

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THỦY
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 40/2020/HNGĐ-ST

Ngày 14-9-2020

V/v “ Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Lê Thị Thùy Hương;**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* **Ông Phan Ngọc Đáng;**

Bà Hồ Thị Thắm Thúy Hằng;

- *Thư ký phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thị Hồng Châu** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 185/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 436/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị N, sinh năm 1984; Địa chỉ thường trú: Xã T, thành phố M, tỉnh G; Địa chỉ tạm trú: Phường B, quận T, thành phố Cần Thơ; Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phan Công Q, sinh năm 1980; Địa chỉ thường trú: Xã T, thành phố M, tỉnh G; Địa chỉ tạm trú: Phường B, quận T, thành phố Cần Thơ; Có mặt. Hiện nay: Phường T, quận B, thành phố Cần Thơ; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo nội dung đơn xin ly hôn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị N trình bày:

Bà và ông Q tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh H ngày 05/7/2005. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, ông Q có người phụ nữ khác bên ngoài. Mặc dù bà N đã nhiều lần tạo cơ hội nhưng tình trạng không được cải thiện. Bà nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Q.

Về con chung: Ông bà có hai con chung tên Phan Võ Hoàng A(Nữ), sinh ngày 02/01/2007; Phan Công Hoàng M(Nam), sinh ngày 28/4/2011. Hiện hai con đang sống chung với ông Q nên bà sẽ tiếp tục giao cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng hai con. Bà N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Phan Công Q, Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Đồng thời ông Q cũng không có ý kiến phản hồi cho Tòa án. Do đó, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Q theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Võ Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con với ông Phan Công Q nên đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn và nuôi con theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn có địa chỉ tạm trú tại phường B, quận T, thành phố Cần Thơ; Chỗ ở hiện nay: Phường T, quận B, thành phố Cần Thơ nên thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Công Q được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia hòa giải nhưng ông Q cố tình vắng mặt. Đến nay, ông Q vắng mặt lần thứ hai, không rõ lý do nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông Q.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị N và ông Phan Công Q tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kỳ Tân, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông Q thì mâu thuẫn phát sinh từ việc bất đồng quan điểm, ông Q có người phụ nữ khác bên ngoài dẫn đến thường xuyên cự cãi nhau. Bà và ông Q đã ly thân nhau khoảng 05 tháng nay. Tại phiên tòa bà N xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông Q nên không thể tiếp tục chung sống.

Về phía ông Q, mặc dù Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng ông Q đều vắng mặt và cũng không có ý kiến phản hồi. Điều này chứng tỏ bị đơn ông Q không có thiện chí để đoàn tụ gia đình với bà N.

Từ những lý do trên cho thấy cuộc sống hôn nhân giữa ông bà đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên việc bà N yêu cầu được ly hôn với ông Q là có cơ sở,

phù hợp với căn cứ cho ly hôn tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

[2.2] Về con chung:

Ông bà có 02 con chung là cháu Hoàng Anh và cháu Hoàng Minh, hiện tại đang sinh sống cùng với ông Q. Tại bản tự khai của hai cháu thì hai cháu đều có nguyện vọng sống với ông Q. Đối với bà N, xác định hiện tại thu nhập hàng tháng của bà thấp, không có nhà ở ổn định nên chưa có điều kiện để nuôi hai cháu. Xét thấy, cần đảm bảo cho hai cháu có nơi ở ổn định, đồng thời việc giao hai cháu cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng cũng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận tiếp tục giao hai cháu cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng. Bà N được Q thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được Q ngăn cản.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Q vắng mặt. Tại phiên tòa bà N có ý kiến là không cấp dưỡng nuôi con. Cho nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, ông Q có Q yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con trong vụ án khác, nếu có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Q vắng mặt. Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Ông Q, bà N có Q yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung trong vụ án khác nếu có tranh chấp.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5; Điểm a Khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị N đối với ông Phan Công Q về yêu cầu xin ly hôn, nuôi con.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Võ Thị N ly hôn với ông Phan Công Q.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Phan Võ Hoàng A(Nữ), sinh ngày 02/01/2007; Phan Công Hoàng M(Nam), sinh ngày 28/4/2011 cho ông Phan Công Q trực tiếp nuôi dưỡng. Dành Q thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho bà N, không ai được Q ngăn cản.

Về cấp dưỡng: Ông Phan Công Q có Q yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con trong vụ án khác, nếu có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do nguyên đơn không yêu cầu và bị đơn vắng mặt. Đương sự có Q khởi kiện vụ án khác để yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu có tranh chấp.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000(*Ba trăm nghìn*) đồng. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp là 300.000(*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 004452 ngày 08/5/2020 của Chi cục thi hành án Dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Nguyên đơn phải nộp xong án phí.

5. Về Q kháng cáo: Nguyên đơn được Q kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án(Ngày 14/9/2020). Bị đơn vắng mặt được Q kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:**

-Viện kiểm sát ND quận Bình Thủy;

-Chi cục THA DS quận Bình Thủy;

-UBND xã K, huyện K,H

(nơi đk kết hôn-GCNKH 17, 1/2005

Ngày đăng ký 05/7/2005);

-Đương sự;

-Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Thùy Hương